

Số: 22 /CBTT-CT6

Hà Nội, ngày 17 tháng 08 năm 2023

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, CTCP Đầu tư và Phát triển Nhà số 6 Hà Nội thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2023 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nhà số 6 Hà Nội

- Mã chứng khoán: HD6
- Địa chỉ: Tầng 6A, toà nhà Diamond Flower, 48 đường Lê Văn Lương, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, TP Hà Nội.
- Điện thoại liên hệ/Tel: 024. 62591706
- Email handico6@gmail.com Website: <https://handico6.com.vn>

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2023

BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán năm 2022):

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2022):

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không



+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 15/08/2023

tại đường dẫn: http://www.handico6.com.vn/category/codong_bctc.html

Đại diện tổ chức

Người UQCBTT

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

Tài liệu đính kèm:

- BCTC HN giữa niên độ;



Phạm Ngọc Dương

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN NHÀ SỐ 6 HÀ NỘI
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN NHÀ SỐ 6 HÀ NỘI

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN NHÀ SỐ 6 HÀ NỘI

Địa chỉ: Tầng 6A, Toà nhà Diamond Flower, 48 đường Lê Văn Lương, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

MỤC LỤC

| NỘI DUNG | Trang |
|--|--------------|
| BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC | 1 - 2 |
| BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ | 3 - 4 |
| BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT | |
| Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ | 5 - 6 |
| Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ | 7 |
| Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ | 8 |
| Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ | 9 - 41 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN NHÀ SỐ 6 HÀ NỘI

Địa chỉ: Tầng 6A, Toà nhà Diamond Flower, 48 đường Lê Văn Lương, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nhà số 6 Hà Nội trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023,

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nhà số 6 Hà Nội (gọi tắt là “Công ty”), tiền thân là Công ty Đầu tư và Phát triển Nhà số 6 Hà Nội (thuộc Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Nhà Hà Nội), Công ty chuyển sang hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần theo Quyết định số 8847/QĐ-UB ngày 02/12/2004 của UBND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp và phương án cổ phần hóa của Công ty Đầu tư và Phát triển Nhà số 6 Hà Nội thuộc Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Nhà Hà Nội. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp số 0100383878 đăng ký lần đầu ngày 31/3/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 17/9/2020.

Vốn điều lệ của Công ty theo chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100383878 đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 17/9/2020 là 144.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Một trăm bốn mươi bốn tỷ đồng*).

Cổ phiếu của Công ty đang được giao dịch trên sàn Upcom với mã HD6.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 6A, Toà nhà Diamond Flower, 48 đường Lê Văn Lương, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

| | |
|---------------------|--------------|
| Ông Lê Quốc Bình | Chủ tịch |
| Ông Vũ Tuấn Anh | Phó Chủ tịch |
| Ông Bé Ngọc Long | Thành viên |
| Ông Phạm Ngọc Chiến | Thành viên |
| Ông Hoàng Tuấn Anh | Thành Viên |

Ban Kiểm soát

| | |
|------------------------|----------------------|
| Bà Nguyễn Thị Thu Hiền | Trưởng Ban Kiểm soát |
| Ông Phạm Anh Tú | Thành viên |
| Bà Phan Thị Kim Dung | Thành viên |

Ban Tổng Giám đốc

| | |
|--------------------|---|
| Ông Bé Ngọc Long | Tổng Giám đốc |
| Ông Hoàng Quế Sơn | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông Ngô Văn Đồng | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông Đinh Ngọc Linh | Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 28/4/2023) |

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ngoài sự kiện nêu tại thuyết minh số (8.2) Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN NHÀ SỐ 6 HÀ NỘI

Địa chỉ: Tầng 6A, Toà nhà Diamond Flower, 48 đường Lê Văn Lương, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ để Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc *HL*



Bê Ngọc Long
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 09 tháng 8 năm 2023

Số: 177/2023/BCSXHN-CPA VIETNAM-NVI

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nhà số 6 Hà Nội

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nhà số 6 Hà Nội, được lập ngày 09 tháng 8 năm 2023, từ trang 05 đến trang 41, bao gồm Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến thuyết minh số 5.2 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ: Khoản mục trái phiếu đầu tư vào Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Khách sạn Tân Hoàng Minh với giá trị là 25.000.000.000 đồng, hiện tại đang nằm trong vụ án cơ quan Điều tra đang điều tra. Khoản mục trái phiếu đầu tư vào Công ty TNHH Sai Gon Glory - TVSI với giá trị 20.000.000.000 đồng, Công ty Cổ phần Việt Vương với giá trị là 2.028.482.260 đồng, các đơn vị Trái chủ đang thỏa thuận với Công ty để gia hạn thời gian thanh toán nhưng các bên chưa đạt được thỏa thuận gia hạn.

Kết luận của chúng tôi không bị ảnh hưởng bởi vấn đề trên.



Bùi Thị Thúy

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0580-2023-137-1

Giấy Ủy quyền số: 04/2023/UQ-CPA VIETNAM ngày 03/01/2023 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT

Hà Nội, ngày 09 tháng 8 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN NHÀ SỐ 6 HÀ NỘI

Tầng 6A Toà nhà Diamond Flower, 48 Lê Văn
 Lương, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân
 Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 01a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023

| TÀI SẢN | MS | TM | 30/6/2023 | 01/01/2023 |
|--|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| | | | VND | VND |
| A - TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 495.574.447.766 | 461.426.402.881 |
| (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150) | | | | |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | 5.1 | 97.587.567.830 | 52.850.588.065 |
| 1. Tiền | 111 | | 33.437.567.830 | 20.200.588.065 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | 64.150.000.000 | 32.650.000.000 |
| II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | 5.2 | 47.028.482.260 | 47.028.482.260 |
| 1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | | 47.028.482.260 | 47.028.482.260 |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 238.461.176.493 | 231.805.621.387 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | 5.3 | 55.697.661.173 | 58.618.282.258 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | 5.4 | 57.299.535.903 | 58.884.007.717 |
| 3. Phải thu về cho vay ngắn hạn | 135 | 5.5 | 48.750.139.954 | 47.970.139.954 |
| 4. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | 5.6 | 87.053.434.376 | 76.672.786.371 |
| 5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | 5.7 | (10.339.594.913) | (10.339.594.913) |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | | 50.262.532.969 | 50.506.733.970 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | 5.8 | 50.262.532.969 | 50.506.733.970 |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 62.234.688.214 | 79.234.977.199 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | 5.9 | 59.931.349.381 | 69.431.349.381 |
| 2. Thuế GTGT được khấu trừ | 152 | | 3.141.952 | 3.141.952 |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | 5.16 | 2.300.196.881 | 9.800.485.866 |
| B - TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 952.079.639.718 | 940.083.410.112 |
| (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260) | | | | |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | 10.200.000.000 | 10.200.000.000 |
| 1. Phải thu dài hạn khác | 216 | 5.6 | 10.200.000.000 | 10.200.000.000 |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 2.989.847.157 | 3.628.775.343 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | 5.10 | 2.989.847.157 | 3.628.775.343 |
| - Nguyên giá | 222 | | 25.715.836.720 | 25.715.836.720 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (22.725.989.563) | (22.087.061.377) |
| III. Bất động sản đầu tư | 230 | 5.11 | 8.194.091.504 | 8.360.459.198 |
| 1. Nguyên giá | 231 | | 10.262.241.524 | 10.262.241.524 |
| 2. Giá trị hao mòn lũy kế | 232 | | (2.068.150.020) | (1.901.782.326) |
| IV. Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | 917.131.092.946 | 903.629.567.460 |
| 1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | 5.12 | 917.131.092.946 | 903.629.567.460 |
| V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | 250 | 5.2 | 4.600.000.000 | 4.600.000.000 |
| 1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh | 252 | | 4.600.000.000 | 4.600.000.000 |
| 2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | | - | - |
| VI. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 8.964.608.111 | 9.664.608.111 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | 5.9 | 1.306.432.514 | 1.306.432.514 |
| 2. Lợi thế Thương mại | 269 | 5.13 | 7.658.175.597 | 8.358.175.597 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 1.447.654.087.484 | 1.401.509.812.993 |
| (270 = 100+200) | | | | |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN NHÀ SỐ 6 HÀ NỘITầng 6A Toà nhà Diamond Flower, 48 Lê Văn Lương, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân
Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 01a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023

| NGUỒN VỐN | MS | TM | 30/6/2023 | 01/01/2023 |
|--|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| | | | VND | VND |
| C- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330) | 300 | | 1.156.102.197.983 | 1.101.060.620.805 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 1.000.058.387.371 | 945.016.810.193 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | 5.14 | 43.291.640.789 | 54.603.101.538 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | 5.15 | 38.507.928.457 | 79.862.083.946 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | 5.16 | 5.870.972.471 | 7.940.720.588 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | | 1.242.622.202 | 1.859.261.392 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | 5.17 | 361.308.797 | 107.472.825 |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 318 | 5.18 | 768.924.542.214 | 652.736.063.346 |
| 7. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | 5.19 | 102.601.386.377 | 90.980.356.729 |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | 5.20 | 30.134.164.573 | 46.008.429.338 |
| 9. Quỹ khen thưởng phúc lợi | 322 | | 9.123.821.491 | 10.919.320.491 |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 156.043.810.612 | 156.043.810.612 |
| 1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn | 336 | 5.18 | 30.090.639.675 | 30.090.639.675 |
| 2. Phải trả dài hạn khác | 337 | 5.19 | 83.414.313.317 | 83.414.313.317 |
| 3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | 5.20 | 37.837.144.759 | 37.837.144.759 |
| 4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 341 | | 1.891.640.101 | 1.891.640.101 |
| 5. Dự phòng phải trả dài hạn | 342 | 5.21 | 2.810.072.760 | 2.810.072.760 |
| D- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410) | 400 | | 291.551.889.501 | 300.449.192.188 |
| I- Vốn chủ sở hữu | 410 | 5.22 | 291.551.889.501 | 300.449.192.188 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | | 144.000.000.000 | 144.000.000.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 144.000.000.000 | 144.000.000.000 |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | 1.303.275.917 | 1.303.275.917 |
| 3. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | | 15.957.080.715 | 15.957.080.715 |
| 4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 420 | | 1.535.326.407 | 1.535.326.407 |
| 5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | 57.273.943.424 | 68.501.701.471 |
| - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a | | 51.221.701.471 | 18.950.862.008 |
| - LNST chưa phân phối kỳ này | 421b | | 6.052.241.953 | 49.550.839.463 |
| 6. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản | 422 | | 1.423.176.288 | 1.423.176.288 |
| 7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát | 429 | | 70.059.086.750 | 67.728.631.390 |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400) | 440 | | 1.447.654.087.484 | 1.401.509.812.993 |

Người lập

Bùi Thu Hằng

Kế toán trưởng

Dương Thị Thái Hương

Hà Nội, ngày 09 tháng 8 năm 2023

Tổng Giám đốc



Bê Ngọc Long

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN NHÀ SỐ 6 HÀ NỘI

Tầng 6A Toà nhà Diamond Flower, 48 Lê Văn
Lương, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân
Thành phố Hà Nội

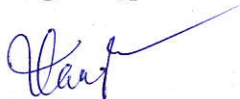
Mẫu số B 02a - DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

| CHỈ TIÊU | MS | TM | Cho kỳ kế toán | Cho kỳ kế toán |
|--|----|------|----------------|-----------------|
| | | | kết thúc | kết thúc |
| | | | ngày 30/6/2023 | ngày 30/6/2022 |
| | | | VND | VND |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | 6.1 | 91.288.938.145 | 211.420.021.597 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | - | - |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02) | 10 | | 91.288.938.145 | 211.420.021.597 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | 6.2 | 67.335.092.985 | 144.638.789.764 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11) | 20 | | 23.953.845.160 | 66.781.231.833 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | 6.3 | 297.715.568 | 5.236.041.994 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | 6.4 | 644.808.690 | 4.777.840.374 |
| Trong đó: Chi phí lãi vay | 23 | | 644.808.690 | 4.777.840.374 |
| 8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết | 24 | | - | - |
| 9. Chi phí bán hàng | 25 | 6.5 | 2.181.659.872 | 130.509.091 |
| 10. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | 6.5 | 10.911.160.428 | 7.640.171.401 |
| 11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)} | 30 | | 10.513.931.738 | 59.468.752.961 |
| 12. Thu nhập khác | 31 | 6.6 | 852.443.064 | 900.773.840 |
| 13. Chi phí khác | 32 | 6.6 | 571.964.128 | 518.711.836 |
| 14. Lợi nhuận khác (40 = 31-32) | 40 | | 280.478.936 | 382.062.004 |
| 14. Phần lãi (lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh | 45 | | - | - |
| 15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45) | 50 | | 10.794.410.674 | 59.850.814.965 |
| 16. Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | 6.7 | 2.411.713.361 | 12.208.754.641 |
| 17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại | 52 | 6.8 | - | 941.420.727 |
| 18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52) | 60 | | 8.382.697.313 | 46.700.639.597 |
| 19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ | 61 | | 6.052.241.953 | 32.735.905.322 |
| 20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát | 62 | | 2.330.455.360 | 13.964.734.275 |
| 21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | 6.10 | 420,29 | 2.118,11 |

Người lập



Bùi Thu Hằng

Kế toán trưởng



Dương Thị Thái Hương

Hà Nội, ngày 09 tháng 8 năm 2023

Tổng Giám đốc



Bê Ngọc Long

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

| CHỈ TIÊU | MS | TM | Cho kỳ kế toán | Cho kỳ kế toán |
|---|----|-----|------------------|-------------------|
| | | | ngày 30/6/2023 | ngày 30/6/2022 |
| | | | VND | VND |
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | | 10.794.410.674 | 59.850.814.965 |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản | | | | |
| - Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư | 02 | | 805.295.880 | 700.215.270 |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | | (297.715.568) | (5.236.041.994) |
| - Chi phí lãi vay | 06 | | 644.808.690 | 4.777.840.374 |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | | 11.946.799.676 | 60.092.828.615 |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | | 844.733.879 | 3.101.929.473 |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | | 244.201.001 | 3.128.581.150 |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả | 11 | | 62.343.471.062 | 83.008.223.799 |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước | 12 | | 10.200.000.000 | (557.256.681) |
| - Tiền lãi vay đã trả | 14 | | (367.490.240) | (4.777.840.374) |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | | (7.069.361.190) | (17.630.395.243) |
| - Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh | 17 | | (1.084.905.000) | (3.511.320.000) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | 77.057.449.188 | 122.854.750.739 |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 21 | | (13.501.525.486) | (112.629.909.052) |
| 2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | | (3.281.506.000) | (201.128.482.260) |
| 3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | | 2.501.506.000 | 297.000.000.000 |
| 5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | | 297.715.568 | 5.236.041.994 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | (13.983.809.918) | (11.522.349.318) |
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | | |
| 1. Tiền thu từ đi vay | 33 | | 25.215.154.925 | 25.870.197.645 |
| 2. Tiền chi trả nợ gốc vay | 34 | | (41.089.419.690) | (52.413.973.920) |
| 3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | | (2.462.394.740) | (16.259.007.950) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | | (18.336.659.505) | (42.802.784.225) |
| Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40) | 50 | | 44.736.979.765 | 68.529.617.196 |
| Tiền và tương đương tiền đầu kỳ | 60 | 5.1 | 52.850.588.065 | 17.290.225.570 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | | - | - |
| Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61) | 70 | 5.1 | 97.587.567.830 | 85.819.842.766 |

Hà Nội, ngày 09 tháng 8 năm 2023

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Bùi Thu Hằng

Dương Thị Thái Hương

Bê Ngọc Long

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN NHÀ SỐ 6 HÀ NỘI

Tầng 6A Toà nhà Diamond Flower, 48 Lê Văn Lương, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân
Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09a - DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nhà số 6 Hà Nội tiền thân là Công ty Đầu tư và Phát triển Nhà số 6 Hà Nội (thuộc Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Nhà Hà Nội) chuyển sang hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần theo Quyết định số 8847/QĐ-UB ngày 02/12/2004 của UBND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp và phương án cổ phần hóa của Công ty Đầu tư và Phát triển Nhà số 6 Hà Nội thuộc Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Nhà Hà Nội. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp số 0100383878 đăng ký lần đầu ngày 31/3/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 17/9/2020.

Vốn điều lệ của Công ty theo chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100383878 đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 17/9/2020 là 144.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm bốn mươi bốn tỷ đồng).

Cổ phiếu của Công ty đang được giao dịch trên sàn UpCOM với mã HD6.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: Hanoi Housing Development and Investment Joint Stock Company No 6.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 6A, Toà nhà Diamond Flower, 48 đường Lê Văn Lương, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

Tổng số nhân viên của Công ty mẹ và các Công ty con tại ngày 30/6/2023 là 130 người, tại ngày 01/01/2023 là 130 người.

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty:

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Đầu tư xây dựng kinh doanh phát triển nhà;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng và lắp đặt các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thể dục thể thao. Xây dựng hạ tầng kỹ thuật, các khu đô thị và công nghiệp, xây dựng các công trình thủy lợi và giao thông. Xây dựng lắp đặt đường dây và trạm biến áp đến 35 KVA, xây dựng và lắp đặt các hệ thống trang thiết bị điện, cấp thoát nước thông dụng. Xây dựng và cải tạo, nâng cấp nhà để bán và cho thuê. Thi công cấp dự ứng lực và chuyển giao công nghệ thi công bê tông ứng xuất trước;
- Đại lý du lịch. Chi tiết: Kinh doanh lữ hành nội địa, quốc tế và các dịch vụ phục vụ khách du lịch;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: Kinh doanh nhà hàng;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết kinh doanh khách sạn;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét. Chi tiết: Sản xuất và mua bán vật liệu xây dựng, cấu kiện bê tông, cấu kiện kim loại, cấu kiện gỗ;
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng. Chi tiết: trang trí nội ngoại thất;
- Sản xuất và mua bán vật liệu xây dựng, máy móc, thiết bị chuyên ngành xây dựng;
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng, trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Mua bán vật liệu xây dựng cấu kiện bê tông, cấu kiện kim loại, cấu kiện gỗ;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Xuất nhập khẩu vật liệu xây dựng, máy móc thiết bị chuyên ngành xây dựng, tổ chức quản lý vận hành khai thác khu đô thị mới và nhà chung cư do Công ty quản lý;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác. Chi tiết: lắp đặt thiết bị điện nước dân dụng, các sản phẩm cơ khí xây dựng, thang máy, các cấu kiện gỗ sắt thép; Chuẩn bị mặt bằng. Chi tiết: đào đắp đất đá, nề, mộc, bê tông sắt thép trong xây dựng; Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan....

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ: Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN NHÀ SỐ 6 HÀ NỘI

Tầng 6A Toà nhà Diamond Flower, 48 Lê Văn
Lương, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân
Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

1.3. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.4. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Công ty có các Công ty con, Công ty liên kết và đơn vị trực thuộc như sau:

| Tên Công ty, đơn vị | Trụ sở | Ngành nghề kinh doanh | Tỷ lệ quyền biểu quyết % | Tỷ lệ góp vốn % | Tỷ lệ lợi ích % |
|--|---|---------------------------------------|--------------------------|-----------------|-----------------|
| Công ty con | | | | | |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại và Sàn Bất động sản Handico 6 | Tầng 6, Tòa nhà hỗn hợp, lô C1, Lê Văn Lương, Thanh Xuân, Hà Nội | Thương mại và kinh doanh Bất động sản | 75% | 75% | 75% |
| Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển nhà số 6 Hạ Long | Tầng 6, Tòa nhà hỗn hợp, lô C1, Lê Văn Lương, Thanh Xuân, Hà Nội | Đầu tư dự án, kinh doanh bất động sản | 70% | 70% | 70% |
| Công ty Cổ phần Tháp Hoa Kim Cương | Số 124 Tôn Đức Thắng, Đống Đa, Hà Nội | Thương mại và hoạt động xây lắp | 71,40% | 71,40% | 71,40% |
| Công ty Liên kết | | | | | |
| Công ty Cổ phần đầu tư bất động sản & cơ sở Hạ tầng Nhân Việt | Số 17 ngõ Núi Trúc, phố Núi Trúc, Phường Kim Mã, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Xây dựng, Kinh doanh BĐS | 30% | 30% | 30% |
| Công ty Cổ phần xây lắp cơ điện Handico 6 | Tầng 6, Tòa nhà hỗn hợp, lô C1, Lê Văn Lương, Thanh Xuân, Hà Nội | Thương mại, Xây dựng | 30% | 30% | 30% |

1.5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT- BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT- BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ là có thể so sánh được.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty được lập cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT- BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông số 200/2014/TT- BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty được lập phù hợp với Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, cụ thể:

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được hợp nhất các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty và Báo cáo tài chính giữa niên độ của các Công ty do Công ty kiểm soát (các Công ty con) được lập cho đến ngày 30 tháng 6 năm 2023. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo được lập cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các Công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi nhuận từ hoạt động của các Công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các Công ty con được mua lại hoặc bán trong kỳ được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ từ ngày việc mua có hiệu lực hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở Công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các Công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các Công ty con khác là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư chủ yếu giữa các Công ty trong cùng Công ty Mẹ được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của Công ty con hợp nhất được trình bày trong Bảng Cân đối kế toán hợp nhất thành một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông Công ty mẹ. Lợi ích cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 được hợp nhất trên cơ sở Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Công ty mẹ là Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nhà số 6 Hà Nội, các Công ty con của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nhà số 6 Hà Nội là Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nhà số 6 Hạ Long, Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại và Sản phẩm động sản Handico 6, Công ty Cổ phần Tháp Hoa Kim Cương.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của Công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua Công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế kinh doanh. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua Công ty con.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Tiền mặt, tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu chi.

Các khoản tương đương tiền: Là các khoản đầu tư ngắn hạn, tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, tiền gửi có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết

Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh: Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Phương pháp tính giá hàng xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

**Thời gian khấu hao
(Số năm)**

| | |
|----------------------------|---------|
| Máy móc, thiết bị | 05 - 08 |
| Phương tiện vận tải | 06 - 10 |
| Dụng cụ quản lý, TSCĐ khác | 03- 05 |

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư của Công ty là nhà cửa vật kiến trúc do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm toàn bộ các chi phí (tiền và tương đương tiền) mà Công ty bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản khác đưa ra trao đổi để có được bất động sản đầu tư tính tới thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành Bất động sản đầu tư đó.

Các chi phí liên quan đến Bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho Bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá Bất động sản đầu tư.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Bất động sản đầu tư (Tiếp theo)

Thanh lý: Lãi và lỗ do thanh lý bất động sản đầu tư được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Bất động sản đầu tư của Văn phòng Công ty được mua để chờ tăng giá để bán nên không trích khấu hao.

Bất động sản đầu tư của Công ty con được mua để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính với thời gian 25 năm.

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Công ty được UBND thành phố Hà Nội giao làm đại diện chủ đầu tư quản lý Dự án Đầu tư xây dựng Khu Đô thị Trung Hòa - Nhân Chính với tổng vốn đầu tư ban đầu khoảng 794 tỷ đồng bằng nguồn vốn Ngân sách Nhà nước. Toàn bộ chi phí của Dự án này được tập hợp và hạch toán vào tài khoản "Chi phí xây dựng dở dang" và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất của Công ty. Số dư khoản mục này trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tại thuyết minh số (5.12) tại ngày 30/6/2023 là 1.438.848.234 đồng.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

Chi phí tuyên truyền quảng cáo bán hàng

Chi phí tuyên truyền quảng cáo bán hàng được phân bổ vào chi phí theo tỷ lệ % tương ứng với giá trị doanh thu đã ghi nhận trong kỳ.

Nguyên tắc kế toán lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của Tài sản thuần của Công ty con tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư.

Lợi thế thương mại có được từ việc mua Công ty con được coi là một loại tài sản, được phân bổ vào kết quả kinh doanh hợp nhất theo quy định hiện hành.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Bao gồm các khoản tiền người mua đặt cọc trả trước căn hộ đến thời điểm lập Báo cáo tài chính được ghi nhận và trình bày tại khoản mục doanh thu chưa thực hiện.

Doanh thu nhận trước tiền cho thuê cửa hàng, nhà hàng kinh doanh cho nhiều kỳ,

Doanh thu nhận trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng căn cứ trên số kỳ đã thu tiền trước.

Nguyên tắc ghi nhận vay

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu, hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất các tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán “Chi phí đi vay”.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

Công ty ghi nhận dự phòng phải trả là khoản chi phí bảo hành công trình dự án Tòa nhà C1 Diamond Flower Lê Văn Lương, Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Công ty được UBND thành phố Hà Nội giao làm đại diện chủ đầu tư quản lý Dự án Đầu tư xây dựng Khu Đô thị Trung Hòa - Nhân Chính với tổng vốn đầu tư khoảng 794 tỷ đồng bằng nguồn vốn Ngân sách Nhà nước. Toàn bộ chi phí và nguồn hình thành của Dự án này được Công ty tập hợp và hạch toán vào tài khoản “Chi phí xây dựng dở dang”, “Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản” và đang được trình bày trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ của Công ty.

Cổ tức, lợi nhuận được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác (Tiếp theo)

Doanh thu bán bất động sản, căn hộ

Doanh thu bán bất động sản mà Công ty là chủ đầu tư được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

- a) Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, doanh nghiệp đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua.
- b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản.
- c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- d) Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản.
- e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Doanh thu dịch vụ khác

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu xây dựng:

Doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo giá trị khối lượng thực hiện.

Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy, trường hợp Công ty có thể thu hồi được các khoản chi phí của hợp đồng đã bỏ ra thì doanh thu hợp đồng được ghi nhận chỉ tới mức các chi phí đã bỏ ra có khả năng thu hồi. Khi đó, không một khoản lợi nhuận nào được ghi nhận, kể cả khi tổng chi phí thực hiện hợp đồng có thể vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng.

Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác:

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí đi vay được ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại, thuế khác

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng trong kỳ Công ty chỉ hoạt động trong lĩnh vực đồng nhất, không có bộ phận hoạt động kinh doanh khác và hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam nên không lập Báo cáo bộ phận.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN NHÀ SỐ 6 HÀ NỘI

Tầng 6A Toà nhà Diamond Flower, 48 Lê Văn
Lương, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân
Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

| | 30/6/2023 | 01/01/2023 |
|---------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Tiền mặt | 5.432.145.068 | 3.994.054.378 |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 28.005.422.762 | 16.206.533.687 |
| Các khoản tương đương tiền (*) | 64.150.000.000 | 32.650.000.000 |
| Tổng | 97.587.567.830 | 52.850.588.065 |

(*) Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng là tiền gửi tại các Ngân hàng thương mại có mức lãi suất từ 3,7%/năm đến 6%/năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

5.2 Các khoản đầu tư tài chính

a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

| | 30/6/2023 (VND) | | 01/01/2023 (VND) | |
|---|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| | Giá gốc | Giá trị ghi số | Giá gốc | Giá trị ghi số |
| Ngắn hạn | | | | |
| - Trái phiếu | 47.028.482.260 | 47.028.482.260 | 47.028.482.260 | 47.028.482.260 |
| <i>Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Khách sạn Tân Hoàng Minh (*)</i> | 47.028.482.260 | 47.028.482.260 | 47.028.482.260 | 47.028.482.260 |
| <i>Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Khách sạn Tân Hoàng Minh (*)</i> | 25.000.000.000 | 25.000.000.000 | 25.000.000.000 | 25.000.000.000 |
| <i>Công ty TNHH Sai Gon Glory - TVSI (**)</i> | 20.000.000.000 | 20.000.000.000 | 20.000.000.000 | 20.000.000.000 |
| <i>Công ty Cổ phần Việt Vương (***)</i> | 2.028.482.260 | 2.028.482.260 | 2.028.482.260 | 2.028.482.260 |
| Tổng | 47.028.482.260 | 47.028.482.260 | 47.028.482.260 | 47.028.482.260 |

(*) Khoản trái phiếu Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Khách sạn Tân Hoàng Minh hiện tại đang nằm trong vụ án cơ quan điều tra đang điều tra. Thời hạn trái phiếu 9 tháng từ ngày 16/9/2021 đến ngày 16/06/2022, lãi suất 10%/năm; tài sản đảm bảo cho toàn bộ các lô trái phiếu do Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Khách sạn Tân Hoàng Minh bán ra là 23 căn shophouse và 01 khu khách sạn D1 thuộc dự án Khu du lịch phức hợp Hoàng Hải thuộc khu 5, khu Phức hợp Bãi Trường xã Dương Tơ, TP. Phú Quốc, Kiên Giang.

(**) Khoản mục trái phiếu đầu tư vào Công ty TNHH Sai Gon Glory - TVSI với giá trị 20.000.000.000 đồng, thời hạn 3 năm (36 tháng) từ ngày 18/6/2020 đến ngày 18/6/2023. Lãi suất 11%/năm. Tài sản đảm bảo cho toàn bộ lô trái phiếu do Công ty TNHH Sai Gon Glory - TVSI bán ra là tất cả số dư có trên tài khoản của dự án thế chấp, các hợp đồng tiền gửi, và tất cả các quyền tài sản có liên quan đến tài khoản dự án đã thế chấp, tài khoản dự án là Tài khoản thanh toán số 19035962629015 của Công ty TNHH Sai Gon Glory - TVSI mở tại Tổ chức Quản lý Tài khoản để nhận và theo dõi các khoản tiền phát sinh từ dự án (Tổ chức Quản lý Tài khoản là Ngân hàng Thương mại cổ phần Kỹ thương Việt Nam).

(***) Khoản mục trái phiếu đầu tư vào Công ty Cổ phần Việt Vương với giá trị là 2.028.482.260 đồng; thời hạn 18 tháng từ ngày 08/02/2021 đến ngày 08/8/2022, lãi suất 12%/năm; Không có tài sản thế chấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN NHÀ SỐ 6 HÀ NỘI

Tầng 6A Toà nhà Diamond Flower, 48 Lê Văn
Lương, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân
Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

5.3 Phải thu của khách hàng

| | 30/6/2023 | 01/01/2023 |
|---|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Ban quản lý dự án đầu tư và XD EMICO | 6.882.521.963 | 6.882.521.963 |
| BQL Dự án Đầu tư XDCT Giao thông TP Hà Nội | 4.968.536.125 | 4.968.536.125 |
| Công ty CP bất động sản Land 6 | 7.466.666.646 | 7.466.666.646 |
| Phải thu khách hàng ngắn hạn khác | 36.379.936.439 | 39.300.557.524 |
| Tổng | 55.697.661.173 | 58.618.282.258 |

5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

| | 30/6/2023 | 01/01/2023 |
|---|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Công ty Cổ Phần Bất động sản land 6 | 21.930.996.589 | 21.254.928.248 |
| Công ty cổ phần Xây lắp Cơ điện Handico 6 | 3.459.141.455 | 2.899.977.871 |
| Công ty CP Phát triển Đầu tư xây dựng và thương mại Thành An | 428.467.783 | 638.994.548 |
| Công ty Cổ phần Thịnh Phát Group | 20.000.000.000 | 20.000.000.000 |
| Trả trước cho người bán ngắn hạn khác | 11.480.930.076 | 14.090.107.050 |
| Tổng | 57.299.535.903 | 58.884.007.717 |
| <i>Trong đó: Trả trước cho các bên liên quan được trình bày tại thuyết minh (8.1)</i> | <i>3.459.141.455</i> | <i>2.899.977.871</i> |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

5.5 Phải thu về cho vay ngắn hạn

| | 30/6/2023 (VND) | | 01/01/2023 (VND) | |
|---|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| | Giá gốc | Giá trị ghi số | Giá gốc | Giá trị ghi số |
| Ngắn hạn | 48.750.139.954 | 48.750.139.954 | 47.970.139.954 | 47.970.139.954 |
| Công ty Cổ phần bất động sản Land 6 (1) | 9.526.700.565 | 9.526.700.565 | 9.526.700.565 | 9.526.700.565 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Hà Nội | 3.933.439.389 | 3.933.439.389 | 3.933.439.389 | 3.933.439.389 |
| Công ty Cổ phần mặt dựng CAG (2) | 6.000.000.000 | 6.000.000.000 | 6.000.000.000 | 6.000.000.000 |
| Công ty Cổ phần Thịnh Phát - Group | 1.640.000.000 | 1.640.000.000 | 860.000.000 | 860.000.000 |
| Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Sơn Lâm - Nha Trang | 1.800.000.000 | 1.800.000.000 | 1.800.000.000 | 1.800.000.000 |
| Văn Đình Cường | 6.000.000.000 | 6.000.000.000 | 6.000.000.000 | 6.000.000.000 |
| Nguyễn Việt Hồng (3) | 18.000.000.000 | 18.000.000.000 | 18.000.000.000 | 18.000.000.000 |
| Các cá nhân khác | 1.850.000.000 | 1.850.000.000 | 1.850.000.000 | 1.850.000.000 |
| Tổng | 48.750.139.954 | 48.750.139.954 | 47.970.139.954 | 47.970.139.954 |

(1). Theo HĐKT ngày 01/01/2015 cho Công ty CP BĐS Land-6 vay tiền từ ngày 01/01/2015-31/12/2015 với lãi suất 12%/năm. Phụ lục HĐKT từ 01/01/2016 trở đi không tính lãi suất theo Nghị quyết HĐQT của Công ty. Tài sản đảm bảo là Tầng 01 trực (A-C) từ trục 5-10; Trục (C-E) từ trục 8-10-tầng 01- Tòa nhà CT3 Khu đô thị mới Trung Văn, Từ Liêm Hà Nội, diện tích 591 m2; Giá trị góp 40% vốn tại dự án Đầu tư xây dựng công trình hỗn hợp Dịch vụ, Văn phòng, Nhà ở tại khu đất 58B Vũ Trọng Phụng, Thanh Xuân, Hà Nội.

(2) Hợp đồng vay số 27.05/2022 và ngày 30/5/2022; nội dung vay ngắn hạn thời gian dưới 12 tháng, lãi suất 1%/ tháng, không có tài sản thế chấp; đối tượng vay là nhà thầu đang thi công cho công trình của Công ty là công trình dự án E1 Hạ Long, Quảng Ninh.

(3). HĐKT số 01/2020/HĐVT ngày 17/11/2020 cho ông Nguyễn Việt Hồng vay 16.500.000.000 đồng với lãi suất 0% và HĐKT số 02/2020/HĐVT ngày 28/04/2020 cho vay 1.500.000.000 đồng cũng với lãi suất 0%, đến thời điểm 30/6/2023 số dư phải thu là 18.000.000.000 đồng.

Tài sản bảo lãnh là Căn hộ A101 có diện tích 463,64 m2 tại Keangnam Ha Noi Landmark Tower tại đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội theo Hợp đồng cho thuê dài hạn Căn hộ số 101 giữa Keangnam Vina và Ông Trần Doãn Thanh, Bà Nguyễn Phương Hải, Ông Ngô Khánh Tùng, Bà Phạm Phương Liên ngày 21/11/2010 và văn bản xác nhận tất toán ngày 19/7/2013. Giá trị căn hộ bảo lãnh nêu trên ghi trong giấy bảo lãnh là 37.635.000.000 đồng; thời hạn đối tài sản bảo lãnh là 5 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN NHÀ SỐ 6 HÀ NỘI

Tầng 6A Toà nhà Diamond Flower, 48 Lê Văn
Lương, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân
Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

5.6 Các khoản phải thu khác

| | 30/6/2023 (VND) | | 01/01/2023 (VND) | |
|--|-----------------------|------------------------|-----------------------|------------------------|
| | Giá trị ghi sổ | Dự phòng | Giá trị ghi sổ | Dự phòng |
| Ngắn hạn | 87.053.434.376 | (5.260.450.302) | 76.672.786.371 | (5.260.450.302) |
| Ký cược, ký quỹ | 53.000.000 | - | 53.000.000 | - |
| Tạm ứng | 30.971.477.047 | (2.641.950.302) | 30.756.726.009 | (2.641.950.302) |
| Phải thu khác | 56.028.957.329 | (2.618.500.000) | 45.863.060.362 | (2.618.500.000) |
| <i>Công ty TNHH Viễn Tin HN (1)</i> | 34.664.700.000 | - | 34.664.700.000 | - |
| <i>Công ty Cổ phần Đầu tư tài chính Toàn cầu (2)</i> | 10.000.000.000 | - | - | - |
| <i>Các đối tượng khác</i> | 11.364.257.329 | (2.618.500.000) | 11.198.360.362 | (2.618.500.000) |
| Dài hạn | 10.200.000.000 | - | 10.200.000.000 | - |
| Ký cược, ký quỹ | 10.200.000.000 | - | 10.200.000.000 | - |
| Tổng | 97.253.434.376 | (5.260.450.302) | 86.872.786.371 | (5.260.450.302) |

(1) Theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh ngày 08/8/2010, giữa Công ty TNHH Viễn Tin Hà Nội (Bên A) và Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nhà 6 Hà Nội (Bên B) đã thỏa thuận, Bên A góp 50 % vốn, Bên B góp 50 % vốn để đầu tư xây dựng Dự án Tổ hợp trung tâm thương mại và Dịch vụ, trụ sở văn phòng nhà ở chung cư trên lô đất có diện tích 2.200 m², ký hiệu HH2 Khu vực Ngòi- Cầu Trại xã Trung Văn, huyện Từ Liêm, (nay là phường Trung Văn, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội). Công ty TNHH Viễn Tin Hà Nội cam kết đảm bảo các chỉ tiêu quy hoạch được sở kiến trúc Hà Nội phê duyệt. Tổng mức đầu tư của dự án là 800 tỷ đồng. Vốn hai bên cam kết góp là 160 tỷ đồng. Số vốn huy động từ các nguồn khác là 640 tỷ đồng. Tỷ lệ phân chia sản phẩm theo tỷ lệ vốn góp. Tổng số vốn Công ty đã góp là 34.664.700.000 đồng.

(2) Khoản đầu tư Vào Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư tài chính Toàn Cầu theo hợp đồng Liên danh số 01/2022/HĐLD/TC-PTN6HN ngày 19/4/2022, Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư tài chính Toàn Cầu là đại diện cho Liên danh; Căn cứ Phụ lục hợp đồng số 01/2023/PLHĐLD ngày 03 tháng 3 năm 2023 nội dung: Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển nhà số 6 Hà Nội và Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư tài chính Toàn Cầu hợp tác Liên danh để làm Dự án Khu Nhà ở xã hội thuộc Khu cư dân đòi Ngân hàng phường Hồng Hải và phường Cao Thắng, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh. Dự án với tổng mức đầu tư 1.344.233.000.000 đồng, tổng diện tích dự án 83.089 m²; suất đầu tư của dự án 16.178.276 đồng/m²;

Về góp vốn cho dự án như sau:

Vốn góp của Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển nhà số 6 Hà Nội là 40.800.000.000 đồng tương ứng 3,04%, tại thời điểm 30/6/2023 Công ty đã góp 10.000.000.000 đồng;

Vốn góp của Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư tài chính Toàn Cầu là 231.400.000.000 đồng tương ứng 17,21%;

Vốn huy động do Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư tài chính Toàn Cầu huy động 1.072.033.000.000 đồng tương ứng 79,75%;

Phân chia lợi nhuận theo dự kiến:

Lợi nhuận Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển nhà số 6 Hà Nội luôn được đảm bảo cố định là 3.469.006.575 đồng;

Lợi nhuận Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư tài chính Toàn Cầu nhận được theo vốn góp là 19.657.703.925 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN NHÀ SỐ 6 HÀ NỘI

Tầng 6A Toà nhà Diamond Flower, 48 Lê Văn Lương, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân
Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

5.7 Nợ xấu

| | 30/6/2023 (VND) | | 01/01/2023 (VND) | |
|--|-----------------|------------------------|------------------|------------------------|
| | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi |
| Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán khó có khả năng thu hồi | 10.339.594.913 | - | 10.339.594.913 | - |

Trong đó:

Ban QLDA các khu công nghiệp tỉnh Hà Tây
Công ty CP Địa ốc 10
Công ty CP xây dựng số 1 Hà Nội
Các đối tượng khác

Tại ngày
30/6/2023 quá
hạn trên 03 năm

452.393.520
1.721.414.320
264.847.873
7.900.939.200

Tổng

10.339.594.913

5.8 Hàng tồn kho

| | 30/6/2023 (VND) | | 01/01/2023 (VND) | |
|---|-----------------------|----------|-----------------------|----------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Chi phí SX KDDD | 50.262.532.969 | - | 50.506.733.970 | - |
| <i>Trong đó,</i> | | | | |
| Công trình Phần thân chung cư cao tầng E1 Hạ Long | 6.326.256.681 | - | 17.476.946.559 | - |
| Công trình Khu nhà ở liên kết và hạ tầng kỹ thuật E1- Hạ Long | 7.854.701.047 | - | 6.208.542.996 | - |
| Công trình khác | 36.081.575.241 | - | 26.821.244.415 | - |
| Tổng | 50.262.532.969 | - | 50.506.733.970 | - |

5.9 Chi phí trả trước

| | 30/6/2023 VND | 01/01/2023 VND |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Ngắn hạn | 59.931.349.381 | 69.431.349.381 |
| Chi phí truyền thông quảng cáo bán hàng | 48.296.738.195 | 57.796.738.195 |
| Chi phí quà tặng mua căn hộ | 8.523.947.000 | 8.523.947.000 |
| Các khoản khác | 3.110.664.186 | 3.110.664.186 |
| Dài hạn | 1.306.432.514 | 1.306.432.514 |
| Chi phí CCDC | 122.906.259 | 122.906.259 |
| Chi phí khác | 1.183.526.255 | 1.183.526.255 |
| Tổng | 61.237.781.895 | 70.737.781.895 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN NHÀ SỐ 6 HÀ NỘI

Tầng 6A Toà nhà Diamond Flower, 48 Lê Văn Lương, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân
Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

5.10 Tăng, giảm Tài sản cố định hữu hình

| | Máy móc, thiết bị | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Thiết bị, dụng cụ quản lý | TSCĐ hữu hình khác | Tổng | Đơn vị tính: VND |
|-------------------------------|----------------------|------------------------------------|------------------------------|-----------------------|----------------|------------------|
| NGUYÊN GIÁ | | | | | | |
| Số dư tại 01/01/2023 | 12.991.825.270 | 11.714.940.453 | 415.593.334 | 593.477.663 | 25.715.836.720 | |
| Số dư tại 30/6/2023 | 12.991.825.270 | 11.714.940.453 | 415.593.334 | 593.477.663 | 25.715.836.720 | |
| GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ | | | | | | |
| Số dư tại 01/01/2023 | 12.938.372.492 | 8.726.741.897 | 403.732.521 | 18.214.467 | 22.087.061.377 | |
| Tăng trong kỳ | 34.150.000 | 565.310.970 | 9.793.334 | 29.673.882 | 638.928.186 | |
| Khấu hao trong kỳ | 34.150.000 | 565.310.970 | 9.793.334 | 29.673.882 | 638.928.186 | |
| Số dư tại 30/6/2023 | 12.972.522.492 | 9.292.052.867 | 413.525.855 | 47.888.349 | 22.725.989.563 | |
| GIÁ TRỊ CÒN LẠI | | | | | | |
| Tại 01/01/2023 | 53.452.778 | 2.988.198.556 | 11.860.813 | 575.263.196 | 3.628.775.343 | |
| Tại 30/6/2023 | 19.302.778 | 2.422.887.586 | 2.067.479 | 545.589.314 | 2.989.847.157 | |

Nguyên giá tài sản đã hết khấu hao vẫn còn sử dụng tại ngày 30/6/2023 với giá trị là: 15.475.496.659 đồng, tại ngày 01/01/2023 là 15.430.096.659 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN NHÀ SỐ 6 HÀ NỘI

Tầng 6A Toà nhà Diamond Flower, 48 Lê Văn Lương, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân
Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

5.11 Bất động sản đầu tư

Đơn vị tính: VND

| Khoản mục | 01/01/2023 | Tăng | Giảm | 30/6/2023 |
|--|-----------------------|--------------------|--------------------|-----------------------|
| | VND | trong năm VND | trong năm VND | VND |
| a. Bất động sản đầu tư cho thuê | | | | |
| Nguyên giá | 10.262.241.524 | - | - | 10.262.241.524 |
| - Nhà và quyền sử dụng đất | 10.262.241.524 | - | - | 10.262.241.524 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | 1.901.782.326 | 166.367.694 | - | 2.068.150.020 |
| - Nhà và quyền sử dụng đất | 1.901.782.326 | 166.367.694 | - | 2.068.150.020 |
| Giá trị còn lại | 8.360.459.198 | - | 166.367.694 | 8.194.091.504 |
| - Nhà và quyền sử dụng đất | 8.360.459.198 | - | 166.367.694 | 8.194.091.504 |

Bất động sản đầu tư của Công ty là Khu dịch vụ tầng 1 tại Dự án nhà ở cao tầng bán cho cán bộ nhân viên Công ty Xăng dầu Khu vực I, ngõ 489 Nguyễn Văn Cừ, phường Gia Thụy, quận Long Biên, thành phố Hà Nội được Công ty mua để chờ tăng giá để bán.

Bất động sản là sàn văn phòng cho thuê tại tầng 9 Tòa nhà Diamond Flower, 48 đường Lê Văn Lương được Công ty mua để cho thuê với doanh thu là 459.299.880 đồng, giá vốn 175.517.694 đồng được trình bày tại thuyết minh (6.1 và 6.2).

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của Bất động sản đầu tư tại ngày 30/6/2023 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty không có đủ thông tin để xác định được giá trị hợp lý của các tài sản này tại ngày lập Bảng Cân đối kế toán.

5.12 Xây dựng cơ bản dở dang

| | 30/6/2023 | 01/01/2023 |
|---|------------------------|------------------------|
| | VND | VND |
| Dự án thuộc vốn ngân sách thành phố Hà Nội | 1.438.848.234 | 1.438.848.234 |
| Dự án Đầu tư xây dựng KĐT Trung Hòa-Nhân Chính | 1.438.848.234 | 1.438.848.234 |
| Dự án kinh doanh của Công ty | 915.692.244.712 | 902.190.719.226 |
| Dự án C1 Trung Hòa - Nhân Chính | 158.585.456.108 | 158.585.456.108 |
| Đầu tư Dự án tại thành phố Hạ Long, Quảng Ninh | 713.299.859.493 | 654.678.184.087 |
| Dự án Cầu Ngòi - Trung Văn | 41.329.885.793 | 41.329.885.793 |
| Các công trình khác | 2.477.043.318 | 47.597.193.238 |
| Tổng | 917.131.092.946 | 903.629.567.460 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN NHÀ SỐ 6 HÀ NỘI

Tầng 6A Toà nhà Diamond Flower, 48 Lê Văn
 Lương, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân
 Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

5.13 Lợi thế thương mại

| | Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND | Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND |
|---|---|---|
| Lợi thế thương mại đầu kỳ | 8.358.175.597 | 9.758.175.597 |
| Phân bổ trong kỳ | 700.000.000 | 700.000.000 |
| Lợi thế thương mại cuối kỳ | 7.658.175.597 | 9.058.175.597 |
| Chi tiết: | | |
| <i>Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển Nhà số 6 Hạ Long</i> | 7.658.175.597 | 9.058.175.597 |
| Tổng | 7.658.175.597 | 9.058.175.597 |

5.14 Phải trả người bán ngắn hạn

| | 30/6/2023 (VND) | | 01/01/2023 (VND) | |
|--|-----------------------|--------------------------|-----------------------|--------------------------|
| | Giá trị ghi sổ | Số có khả năng trả nợ | Giá trị ghi sổ | Số có khả năng trả nợ |
| a. Ngắn hạn | 43.291.640.789 | 43.291.640.789 | 54.603.101.538 | 54.603.101.538 |
| Công ty CP Đầu tư và Thương mại Hà Nội | 3.727.000.000 | 3.727.000.000 | 3.727.000.000 | 3.727.000.000 |
| Công ty CP đầu tư xây dựng và TM Phú Thái | 236.155.940 | 236.155.940 | 236.155.940 | 236.155.940 |
| Công ty CP Tập đoàn địa ốc Viễn Đông | 7.259.429.000 | 7.259.429.000 | 7.259.429.000 | 7.259.429.000 |
| Các đối tượng khác | 32.069.055.849 | 32.069.055.849 | 43.380.516.598 | 43.380.516.598 |
| Tổng | 43.291.640.789 | 43.291.640.789 | 54.603.101.538 | 54.603.101.538 |

5.15 Người mua trả trước

| | 30/6/2023 VND | 01/01/2023 VND |
|-------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Người mua trả trước tiền mua căn hộ | 35.096.970.803 | 71.881.497.064 |
| Công ty TNHH XNK TM Lâm Ngọc Dương | 1.963.043.115 | 6.866.806.261 |
| Các đối tượng khác | 1.447.914.539 | 1.113.780.621 |
| Tổng | 38.507.928.457 | 79.862.083.946 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN NHÀ SỐ 6 HÀ NỘI

Tầng 6A Toà nhà Diamond Flower, 48 Lê Văn
Lương, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân
Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

5.16 Thuế và các khoản phải nộp, phải thu Nhà nước

| | 01/01/2023 VND | Số phải nộp trong kỳ VND | Số đã nộp trong kỳ VND | 30/06/2023 VND |
|--|----------------------|--------------------------------|------------------------------|----------------------|
| Phải nộp | 7.940.720.588 | 6.396.319.791 | 8.466.067.908 | 5.870.972.471 |
| Thuế giá trị gia tăng | 2.275.111.831 | 3.483.870.989 | 1.498.491.625 | 4.260.491.195 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 4.699.501.217 | 2.210.332.607 | 5.529.781.259 | 1.380.052.565 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 966.107.540 | 309.888.400 | 1.045.567.229 | 230.428.711 |
| Thuế nhà đất, tiền thuê đất | - | 387.227.795 | 387.227.795 | - |
| Thuế Môn bài | - | 5.000.000 | 5.000.000 | - |
| Phải thu | 9.800.485.866 | 9.042.868.916 | 1.542.579.931 | 2.300.196.881 |
| Thuế giá trị gia tăng | 8.841.488.162 | 8.841.488.162 | - | - |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 220.336.445 | 201.380.754 | 1.539.579.931 | 1.558.535.622 |
| Thuế nhà đất, tiền thuê đất | 738.661.259 | - | - | 738.661.259 |
| Thuế Bảo vệ môi trường và thuế khác | - | - | 3.000.000 | 3.000.000 |

5.17 Chi phí phải trả

| | 30/6/2023 VND | 01/01/2023 VND |
|-----------------------------|--------------------|--------------------|
| Trích trước tiền điện, nước | 361.308.797 | 107.472.825 |
| Tổng | 361.308.797 | 107.472.825 |

5.18 Doanh thu chưa thực hiện

| | 30/6/2023 VND | 01/01/2023 VND |
|---|------------------------|------------------------|
| Ngắn hạn | 768.924.542.214 | 652.736.063.346 |
| Doanh thu nhận trước (tiền thu bán căn hộ khách hàng nộp theo tiến độ) | 768.924.542.214 | 652.736.063.346 |
| Dài hạn | 30.090.639.675 | 30.090.639.675 |
| Doanh thu nhận trước (tiền thu bán căn hộ khách hàng nộp theo tiến độ) | 30.090.639.675 | 30.090.639.675 |
| Tổng | 799.015.181.889 | 682.826.703.021 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN NHÀ SỐ 6 HÀ NỘI

Tầng 6A Toà nhà Diamond Flower, 48 Lê Văn
Lương, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân
Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

5.19 Phải trả khác

| | 30/6/2023 | 01/01/2023 |
|---|------------------------|------------------------|
| | VND | VND |
| Ngắn hạn | 102.601.386.377 | 90.980.356.729 |
| Kinh phí công đoàn | 473.484.799 | 587.326.163 |
| Bảo hiểm xã hội | 82.484.035 | 31.140.235 |
| Bảo hiểm y tế | 15.864.104 | 5.493.872 |
| Bảo hiểm thất nghiệp | 5.072.058 | 2.436.192 |
| Cổ tức, lợi nhuận phải trả | 20.947.774.449 | 9.637.310.000 |
| Phải trả, phải nộp khác | 81.076.706.932 | 80.716.650.267 |
| <i>BQT nhà chung cư Diamond Flower</i> | | |
| <i>Phường Nhân Chính</i> | 3.420.249.388 | 5.017.430.223 |
| <i>Nguyễn Thị Thủy</i> | 35.479.331.050 | 35.479.331.050 |
| <i>Phải trả khác</i> | 42.177.126.494 | 40.219.888.994 |
| Dài hạn | 83.414.313.317 | 83.414.313.317 |
| <i>Công ty CP Đầu tư và Thương mại Hà Nội góp</i> | | |
| <i>vốn Liên doanh (dự án C1 Trung Hòa- Nhân</i> | 72.516.091.542 | 72.516.091.542 |
| <i>Chính) (*)</i> | | |
| <i>Công ty CP Đại Hải Hà góp vốn theo Hợp đồng số</i> | | |
| <i>12/2009 (dự án C2 Trung Hòa- Nhân Chính)</i> | 500.000.000 | 500.000.000 |
| <i>Công ty Cổ phần Thương mại</i> | | |
| <i>Đầu tư DTT VN</i> | 9.200.000.000 | 9.200.000.000 |
| <i>Nhận vốn góp kinh doanh từ cá nhân DAHTKT</i> | | |
| <i>khu biệt thự số 1 Cái Dăm</i> | 1.050.000.000 | 1.050.000.000 |
| <i>Khoản khác</i> | 148.221.775 | 148.221.775 |
| Tổng | 186.015.699.694 | 174.394.670.046 |
| <i>Trong đó: phải trả bên liên quan trình bày tại</i> | | |
| <i>thuyết minh (8.1)</i> | - | 60.000.000 |

(*) Hợp đồng liên doanh số 18/HĐLD ngày 30/01/2007 Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Hà Nội góp vốn hợp tác kinh doanh Dự án C1 Trung Hòa – Nhân Chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

5.20 Vay

| | 30/6/2023 (VND) | | Phát sinh trong năm | | 01/01/2023 (VND) | |
|---|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Tăng | Giảm | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| Vay ngắn hạn | 30.134.164.573 | 30.134.164.573 | 25.215.154.925 | 41.089.419.690 | 46.008.429.338 | 46.008.429.338 |
| Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam BIDV (1) | 7.318.824.573 | 7.318.824.573 | 5.215.154.925 | 9.825.727.447 | 11.929.397.095 | 11.929.397.095 |
| Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư tài chính Toàn Cầu | 100.000.000 | 100.000.000 | 10.000.000.000 | 9.900.000.000 | - | - |
| Vay cá nhân (2) | 22.715.340.000 | 22.715.340.000 | 10.000.000.000 | 21.363.692.243 | 34.079.032.243 | 34.079.032.243 |
| Vay dài hạn | 37.837.144.759 | 37.837.144.759 | - | - | 37.837.144.759 | 37.837.144.759 |
| Bùi Long Hải (3) | 3.034.250.000 | 3.034.250.000 | - | - | 3.034.250.000 | 3.034.250.000 |
| Nguyễn Thị Thùy (4) | 34.802.894.759 | 34.802.894.759 | - | - | 34.802.894.759 | 34.802.894.759 |
| Tổng | 67.971.309.332 | 67.971.309.332 | 25.215.154.925 | 41.089.419.690 | 83.845.574.097 | 83.845.574.097 |

Trong đó: Vay bên liên quan trình bày tại thuyết minh (8.1)

| | | | |
|----------------------|----------------------|----------|----------------------|
| 1.600.000.000 | 1.600.000.000 | - | 1.600.000.000 |
|----------------------|----------------------|----------|----------------------|

(1) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 02/2022/3661744/HĐTD ngày 19 tháng 08 năm 2022 giữa Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam và Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nhà 6 Hà Nội; Hạn mức cấp tín dụng: 40.000.000.000 đồng; Thời hạn cấp hạn mức: 12 tháng; Mục đích: Bổ sung vốn lưu động, Bảo lãnh, mở L/C; Thời hạn cho vay/thời hạn bảo lãnh/thời hạn L/C, lãi suất, phí được xác định theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể, Hợp đồng cấp bảo lãnh cụ thể, L/C được phát hành. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thuộc sở hữu của Ông Văn Đình Cường cùng vợ là bà Tạ Thị Hòa tại địa chỉ: Số 51 phố Kim Mã, phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

(2) Vay cá nhân là các hợp đồng vay cá nhân trong Công ty theo lãi suất thỏa thuận từng thời kỳ, lãi suất cao nhất là 12%/năm. Thời hạn vay 01 năm, vay tín chấp không có tài sản đảm bảo.

(3) Bùi Long Hải: Hợp đồng vay tài sản số 01/2019/HĐVTS ngày 23/03/2019. Số tiền vay: 95.000.000.000 đồng, thời hạn vay 36 tháng, lãi suất 1%/năm; số dư tiền vay đến 30/6/2022 là 3.034.250.000 đồng. Toàn bộ khoản vay chuyển khoản qua ngân hàng. Không có tài sản đảm bảo, người cho vay được quyền mua căn hộ của dự án.

(4) Nguyễn Thị Thùy: Hợp đồng vay tài sản số 11/2019/HĐVTS ngày 22/11/2019. Số tiền vay: 50.976.030.133 đồng, thời hạn vay 24 tháng, lãi suất 3%/năm. Số dư tiền vay đến 30/6/2022 là 34.802.894.759 đồng. Toàn bộ khoản vay chuyển khoản qua ngân hàng. Không có tài sản đảm bảo, người cho vay được quyền mua căn hộ.



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN NHÀ SỐ 6 HÀ NỘI

Tầng 6A Tòa nhà Diamond Flower, 48 Lê Văn
Lương, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân
Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

5.21 Dự phòng phải trả

| | 30/6/2023 | 01/01/2023 |
|---|----------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| Dài hạn | 2.810.072.760 | 2.810.072.760 |
| Dự phòng bảo hành công trình xây dựng (*) | 2.810.072.760 | 2.810.072.760 |
| Tổng | 2.810.072.760 | 2.810.072.760 |

(*) Dự phòng phải trả là dự phòng bảo hành công trình xây dựng Tòa nhà C1 Diamond Flower Phường Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội.

Đ. N. I.
C. O. N.
T. N.
Y. I. E. M.
A. V.
Y. A.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN NHÀ SỐ 6 HÀ NỘI

Tầng 6A Toà nhà Diamond Flower, 48 Lê Văn Lương, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09a - DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

5.22 Vốn chủ sở hữu

a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

| | Vốn đầu tư của chủ sở hữu | Thặng dư vốn cổ phần | Quỹ đầu tư phát triển | Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Nguồn vốn đầu tư XD CB | Lợi ích cổ đông không kiểm soát | Tổng | Đơn vị tính: VND |
|--------------------------------|---------------------------|----------------------|-----------------------|-------------------------------|-----------------------------------|------------------------|---------------------------------|------------------------|------------------|
| | | | | | | | | | |
| Số dư tại 01/01/2022 | 144.000.000.000 | 1.303.275.917 | 10.369.431.433 | 1.535.326.407 | 46.288.630.717 | 1.423.176.288 | 51.723.220.225 | 256.643.060.987 | |
| Tăng trong năm | - | - | 5.587.649.282 | - | 49.550.839.462 | - | 16.005.411.165 | 71.143.899.909 | |
| Lãi trong năm trước | - | - | - | - | 49.550.839.462 | - | 16.005.411.165 | 65.556.250.627 | |
| Phân phối lợi nhuận | - | - | 5.587.649.282 | - | - | - | - | 5.587.649.282 | |
| Giảm trong năm | - | - | - | - | (27.337.768.708) | - | - | (27.337.768.708) | |
| Chia cổ tức | - | - | - | - | (17.280.000.000) | - | - | (17.280.000.000) | |
| Trích quỹ đầu tư phát triển | - | - | - | - | (5.587.649.282) | - | - | (5.587.649.282) | |
| Trích quỹ khen thưởng phúc lợi | - | - | - | - | (4.470.119.426) | - | - | (4.470.119.426) | |
| Số dư tại 31/12/2022 | 144.000.000.000 | 1.303.275.917 | 15.957.080.715 | 1.535.326.407 | 68.501.701.471 | 1.423.176.288 | 67.728.631.390 | 300.449.192.188 | |
| Số dư tại 01/01/2023 | 144.000.000.000 | 1.303.275.917 | 15.957.080.715 | 1.535.326.407 | 68.501.701.471 | 1.423.176.288 | 67.728.631.390 | 300.449.192.188 | |
| Tăng trong kỳ | - | - | - | - | 6.052.241.953 | - | 2.330.455.360 | 8.382.697.313 | |
| Lãi trong kỳ này | - | - | - | - | 6.052.241.953 | - | 2.330.455.360 | 8.382.697.313 | |
| Giảm trong kỳ | - | - | - | - | (17.280.000.000) | - | - | (17.280.000.000) | |
| Chia cổ tức (i) | - | - | - | - | (17.280.000.000) | - | - | (17.280.000.000) | |
| Số dư tại 30/6/2023 | 144.000.000.000 | 1.303.275.917 | 15.957.080.715 | 1.535.326.407 | 57.273.943.424 | 1.423.176.288 | 70.059.086.750 | 291.551.889.501 | |

- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 14/2023/NQ-DHĐCĐ ngày 19/5/2023 của Công ty, Công ty đã chia cổ tức năm 2022 bằng tiền tỷ lệ 12% vốn điều lệ với giá trị là 17.280.000.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN NHÀ SỐ 6 HÀ NỘI

Tầng 6A Toà nhà Diamond Flower, 48 Lê Văn
 Lương, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân
 Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
 Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

5.22 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**b. Chi tiết vốn chủ sở hữu**

| | 30/6/2023 | 01/01/2023 |
|--|------------------------|------------------------|
| | VND | VND |
| Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Nhà Hà Nội | 24.602.450.000 | 24.602.450.000 |
| Vốn góp của các cổ đông khác | 119.397.550.000 | 119.397.550.000 |
| Tổng | 144.000.000.000 | 144.000.000.000 |

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

| | Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 | Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 |
|----------------------------------|--|--|
| | VND | VND |
| Vốn đầu tư của chủ sở hữu | | |
| Vốn góp tại đầu kỳ | 144.000.000.000 | 144.000.000.000 |
| Vốn góp tăng trong kỳ | - | - |
| Vốn góp tại cuối kỳ | 144.000.000.000 | 144.000.000.000 |
| Cổ tức, lợi nhuận đã chia | 17.280.000.000 | 17.280.000.000 |

d. Cổ phiếu

| | 30/6/2023 | 01/01/2023 |
|---|------------|------------|
| | Cổ phiếu | Cổ phiếu |
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 14.400.000 | 14.400.000 |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 14.400.000 | 14.400.000 |
| Cổ phiếu phổ thông | 14.400.000 | 14.400.000 |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 14.400.000 | 14.400.000 |
| Cổ phiếu phổ thông | 14.400.000 | 14.400.000 |
| Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu) | 10.000 | 10.000 |

e. Các quỹ của doanh nghiệp

| | 30/6/2023 | 01/01/2023 |
|-------------------------------|----------------|----------------|
| | VND | VND |
| Quỹ đầu tư phát triển | 15.957.080.715 | 15.957.080.715 |
| Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 1.535.326.407 | 1.535.326.407 |

f. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ

| | 30/06/2023 | 01/01/2023 |
|---------------------------|---------------|---------------|
| Nợ khó đòi đã xử lý (VND) | 8.514.288.516 | 8.514.288.516 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN NHÀ SỐ 6 HÀ NỘI

Tầng 6A Toà nhà Diamond Flower, 48 Lê Văn Lương, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân
Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

| | Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND | Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND |
|--|---|---|
| Doanh thu xây lắp | 24.435.516.305 | 97.971.830.205 |
| Doanh thu kinh doanh Bất động sản | 34.421.744.092 | 81.215.174.661 |
| Doanh thu Dịch vụ quản lý tòa nhà | 31.972.377.868 | 31.786.932.001 |
| Doanh thu cho thuê Bất động sản đầu tư | 459.299.880 | 446.084.730 |
| Tổng | 91.288.938.145 | 211.420.021.597 |

6.2 Giá vốn hàng bán

| | Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND | Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND |
|---------------------------------|---|---|
| Giá vốn xây lắp | 18.038.254.649 | 93.264.726.571 |
| Giá vốn kinh doanh Bất động sản | 24.835.313.282 | 28.670.981.776 |
| Giá vốn dịch vụ quản lý tòa nhà | 24.286.007.360 | 22.536.713.723 |
| Giá vốn Bất động sản cho thuê | 175.517.694 | 166.367.694 |
| Tổng | 67.335.092.985 | 144.638.789.764 |

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

| | Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND | Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND |
|----------------------------|---|---|
| Lãi tiền gửi, tiền cho vay | 297.715.568 | 717.848.227 |
| Lãi bán các khoản đầu tư | - | 4.518.193.767 |
| Tổng | 297.715.568 | 5.236.041.994 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN NHÀ SỐ 6 HÀ NỘI

Tầng 6A Toà nhà Diamond Flower, 48 Lê Văn
Lương, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân
Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

6.4 Chi phí tài chính

| | Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND | Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND |
|-----------------|---|---|
| Chi phí lãi vay | 644.808.690 | 4.777.840.374 |
| Tổng | 644.808.690 | 4.777.840.374 |

6.5 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

| | Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND | Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND |
|-------------------------------------|---|---|
| Chi phí bán hàng | 2.181.659.872 | 130.509.091 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 2.001.024.872 | 909.091 |
| Chi phí bằng tiền khác | 180.635.000 | 129.600.000 |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp | 10.911.160.428 | 7.640.171.401 |
| Chi phí nhân viên quản lý | 5.572.087.054 | 4.070.449.114 |
| Chi phí vật liệu quản lý | 98.448.637 | 41.638.182 |
| Chi phí đồ dùng văn phòng | 44.070.227 | 67.651.348 |
| Chi phí khấu hao TSCĐ | 185.200.064 | 109.793.336 |
| Thuế phí và lệ phí | 510.300.127 | 818.671.120 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 1.671.769.483 | 286.751.671 |
| Chi phí bằng tiền khác | 2.829.284.836 | 2.245.216.630 |
| Tổng | 13.092.820.300 | 7.770.680.492 |

6.6 Thu nhập khác/chi phí khác

| | Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND | Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND |
|---|---|---|
| Thu nhập khác | 852.443.064 | 900.773.840 |
| Cho thuê văn phòng, máy móc | 600.989.004 | 627.380.469 |
| Thu lãi chậm trả | 74.388.053 | - |
| Thu nhập khác | 177.066.007 | 273.393.371 |
| Chi phí khác | 571.964.128 | 518.711.836 |
| Chi phí phạt thuế | 60.170.957 | 7.000.000 |
| Phạt vi phạm hành chính | - | 60.323 |
| Khấu hao xe ô tô có nguyên giá trên 1,6 tỷ đồng | 389.904.240 | 389.904.240 |
| Chi phí khác | 121.888.931 | 121.747.273 |
| Thu nhập khác/chi phí khác (thuần) | 280.478.936 | 382.062.004 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN NHÀ SỐ 6 HÀ NỘI

Tầng 6A Toà nhà Diamond Flower, 48 Lê Văn Lương, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân
Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

6.7 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

| | Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND | Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND |
|--|---|---|
| Chi phí thuế TNDN hiện hành tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành | 2.411.713.361 | 12.208.754.641 |
| Tổng | 2.411.713.361 | 12.208.754.641 |

6.8 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

| | Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND | Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND |
|---|---|---|
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế | - | 941.420.727 |
| Tổng | - | 941.420.727 |

6.9 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

| | Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND | Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND |
|----------------------------------|---|---|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 688.555.898 | 94.072.997.024 |
| Chi phí nhân công | 12.542.702.805 | 12.615.734.154 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 805.295.880 | 700.215.270 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 52.636.678.928 | 80.749.234.071 |
| Chi phí khác bằng tiền | 3.414.389.879 | 2.656.351.544 |
| Tổng | 70.087.623.390 | 190.794.532.063 |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

6.10 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

| | Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND | Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND |
|---|---|---|
| Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND) | 6.052.241.953 | 32.735.905.322 |
| Các khoản điều chỉnh | - | (2.235.059.713) |
| <i>Điều chỉnh giảm do trích quỹ khen thưởng phúc lợi, quỹ tương thân tương ái</i> | | |
| Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND) | 6.052.241.953 | 30.500.845.609 |
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu) | 14.400.000 | 14.400.000 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu) | 420,29 | 2.118,11 |

Tại ngày Báo cáo, Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi. Nếu Công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông và lãi cơ bản trên cổ phiếu sẽ giảm đi.

(*) Công ty xác định lại số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 theo tỷ lệ phân phối lợi nhuận năm 2022 của Công ty đã được phê duyệt tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 15/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/4/2023. Theo đó, lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 được trình bày lại như sau:

| | Số đã trình bày trên Báo cáo kỳ trước | Số trình bày lại | Chênh lệch |
|---|--|-----------------------|------------------------|
| Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty mẹ (VND) | 32.735.905.322 | 32.735.905.322 | - |
| Điều chỉnh giảm do trích quỹ KTPL | - | (2.235.059.713) | (2.235.059.713) |
| Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty mẹ (VND) | 32.735.905.322 | 30.500.845.609 | (2.235.059.713) |
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu) | 14.400.000 | 14.400.000 | - |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu) | 2.273,33 | 2.118,11 | (155,21) |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

7.1 Số tiền đi vay thực thu trong kỳ

Trong kỳ kế toán số tiền Công ty đi vay thực thu trong kỳ là 25.215.154.925 đồng (Thuyết minh 5.20).

7.2 Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ

Trong kỳ kế toán số tiền Công ty trả vay đã thực trả trong kỳ là 41.089.419.690 đồng (Thuyết minh 5.20).

8. THÔNG TIN KHÁC

8.1 Thông tin về các bên liên quan

| <u>Tên cá nhân, tổ chức</u> | <u>Mối quan hệ</u> |
|--|-----------------------------------|
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại và Sản Bất động sản Handico 6 | Công ty con |
| Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển Nhà số 6 Hạ Long | Công ty con |
| Công ty Cổ phần Tháp Hoa Kim Cương | Công ty con |
| Công ty Cổ phần đầu tư bất động sản & cơ sở hạ tầng Nhân Việt | Công ty Liên kết |
| Công ty CP xây lắp cơ điện Handico 6 | Công ty Liên kết |
| Ông Lê Quốc Bình | Chủ tịch HĐQT |
| Ông Bé Ngọc Long | Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc |
| Ông Vũ Tuấn Anh | Thành viên HĐQT |
| Ông Phạm Ngọc Chiến | Thành viên HĐQT |
| Ông Hoàng Tuấn Anh | Thành viên HĐQT |
| Bà Nguyễn Thị Thu Hiền | Trưởng Ban kiểm soát |
| Ông Phạm Anh Tú | Thành viên Ban kiểm soát |
| Bà Phạm Thị Kim Dung | Thành viên Ban kiểm soát |
| Ông Hoàng Quế Sơn | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông Ngô Văn Đồng | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông Đinh Ngọc Linh | Phó Tổng Giám đốc |
| Các cá nhân liên quan thành viên HĐQT, BKS, BTGD | Ảnh hưởng đáng kể |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN NHÀ SỐ 6 HÀ NỘI

Tầng 6A Toà nhà Diamond Flower, 48 Lê Văn
 Lương, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân
 Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
 Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

8.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)**a. Thu nhập của nhân sự chủ chốt và người quản lý khác của Công ty**

| Bên liên quan | Chức danh | Tính chất giao dịch | Cho kỳ kế toán | Cho kỳ kế toán |
|--------------------------------|----------------------|---------------------|----------------------|----------------------|
| | | | ngày 30/6/2023 | ngày 30/6/2022 |
| | | | kết thúc VND | kết thúc VND |
| Hội đồng Quản trị | | | | |
| Lê Quốc Bình | Chủ tịch HĐQT | Lương, Thù lao | 257.400.000 | 257.400.000 |
| Bế Ngọc Long | Thành viên HĐQT | Lương, Thù lao | 205.440.000 | 205.440.000 |
| Vũ Tuấn Anh | Tổng Giám đốc | Thù lao | 15.840.000 | 15.840.000 |
| Phạm Ngọc Chiến | Thành viên HĐQT | Thù lao | 15.840.000 | 15.840.000 |
| Hoàng Tuấn Anh | Thành viên HĐQT | Thù lao | 15.840.000 | 15.840.000 |
| Ban Kiểm soát | | | | |
| Nguyễn Thị Thu Hiền | Trưởng Ban kiểm soát | Thù lao | 12.672.000 | 23.232.000 |
| Phạm Anh Tú | Thành viên | Lương, Thù lao | 112.536.000 | 112.536.000 |
| Phạm Thị Kim Dung | Thành viên | Lương, Thù lao | 66.231.000 | 71.785.006 |
| Người công bố thông tin | | | | |
| Phạm Ngọc Quỳnh | Lương, Thương, | Lương | 74.040.000 | 24.680.000 |
| Ban Tổng Giám đốc | | | | |
| Ngô Văn Đồng | Phó Tổng Giám đốc | Lương | 129.697.273 | 67.170.100 |
| Hoàng Quế Sơn | Phó Tổng Giám đốc | Lương | 152.400.000 | 152.400.000 |
| Đình Ngọc Linh | Phó Tổng Giám đốc | Lương | 153.000.000 | - |
| Kế toán trưởng | | | | |
| Dương Thị Thái Hương | Kế toán trưởng | Lương | 142.680.000 | 187.212.166 |
| Tổng | | | 1.353.616.273 | 1.149.375.272 |

Các giao dịch với bên liên quan

| Bên liên quan | Mối quan hệ | Tính chất giao dịch | Cho kỳ kế toán | Cho kỳ kế toán |
|--|-----------------------|---------------------|-----------------|-----------------|
| | | | ngày 30/6/2023 | ngày 30/6/2022 |
| | | | kết thúc VND | kết thúc VND |
| Mua hàng | | | | |
| Công ty Cổ phần Xây lắp cơ điện Handico6 | Công ty liên kết | Giá trị xây lắp | 164.188.080 | 18.799.226.852 |
| Trả vay, lãi vay đã trả | | | | |
| Trả vay | | | | |
| Ông Hoàng Quế Sơn | Phó Tổng Giám đốc | Trả vay | - | 300.000.000 |
| Lãi vay đã trả trong kỳ | | | | |
| Ông Bế ngọc Long | TVHQDT, Tổng Giám đốc | Lãi vay | 60.000.000 | 60.000.000 |
| Ông Hoàng Quế Sơn | Phó Tổng Giám đốc | Lãi vay | - | 26.852.055 |
| Bà Nguyễn Thị Thu Hiền | Trưởng Ban kiểm soát | Lãi vay | - | 180.767.122 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN NHÀ SỐ 6 HÀ NỘI

Tầng 6A Toà nhà Diamond Flower, 48 Lê Văn Lương, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân
Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

8.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)**b. Số dư với bên liên quan**

| Bên liên quan | Mối quan hệ | Tính chất giao dịch | 30/6/2023 VND | 01/01/2023 VND |
|---|----------------------|---------------------|----------------------|----------------------|
| Phải thu | | | | |
| Bà Phạm Thị Kim Dung | Thành viên BKS | Cho vay | 500.000.000 | 500.000.000 |
| Công ty cổ phần Xây lắp Cơ điện Handico 6 | Công ty liên kết | Trả trước người bán | 3.459.141.455 | 2.899.977.871 |
| Phải trả | | | | |
| Phải trả người bán | | | | |
| Công ty Cổ phần Xây lắp cơ điện Handico6 | Công ty liên kết | Chi phí xây lắp | 310.867.039 | 310.867.039 |
| Phải trả khác | | | | |
| Bế Ngọc Long | Tổng Giám đốc | Lãi vay | - | 60.000.000 |
| | | | 1.600.000.000 | 1.600.000.000 |
| Phải trả vay | | | | |
| Bà Nguyễn Thị Thu Hiền | Trưởng Ban Kiểm soát | Phải trả vay | 1.000.000.000 | 1.000.000.000 |
| Bế Ngọc Long | Tổng Giám đốc | Phải trả vay | 600.000.000 | 600.000.000 |

8.2 Sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán

Ngày 24/7/2023, Công ty có thông báo Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động. Tổng giá trị cổ phiếu phát hành ESOP là 7.200.000.000 đồng tương đương 720.000 cổ phiếu. Sau khi phát hành tổng số lượng cổ phiếu của Công ty là 15.120.000 cổ phiếu, tổng vốn chủ sở hữu sau phát hành là 151.200.000.000 đồng.

8.3 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

Thông tin so sánh trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và các Thuyết minh liên quan là số liệu Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 đã được soát xét toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

Hà Nội, ngày 09 tháng 8 năm 2023

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Bùi Thu Hằng

Dương Thị Thái Hương

Bế Ngọc Long